

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự án Nâng cấp đường giao thông  
liên xã Trung Hạ - Trung Xuân, huyện Quan Sơn  
(Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số  
điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14  
và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020  
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP  
ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi  
công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày  
09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày  
03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 06/2021/TT-BXD ngày  
30/6/2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng  
trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021  
hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số  
12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Thanh Hóa: số 257/2022/NQ-HĐND  
ngày 13/7/2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn  
ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện  
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên  
địa bàn tỉnh; số 301/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 phân bổ nguồn vốn từ ngân sách  
trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững  
giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 2721/QĐ-UBND ngày 11/8/2022  
của UBND tỉnh về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương  
để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021  
- 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 2722/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 giao kế  
hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương để thực hiện Chương*

*trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 3481/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương thực hiện Hoạt động 1, Tiểu dự án 1 Hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các huyện nghèo của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (đợt 2).*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1740/TTr-SGTVT ngày 03/4/2023 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nâng cấp đường giao thông liên xã Trung Hạ - Trung Xuân, huyện Quan Sơn; kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 1706/SGTVT-TĐKHKT ngày 31/3/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Nâng cấp đường giao thông liên xã Trung Hạ - Trung Xuân, huyện Quan Sơn với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên dự án:** Nâng cấp đường giao thông liên xã Trung Hạ - Trung Xuân, huyện Quan Sơn.

**2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

**3. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn.

**4. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:** Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Thanh Hoa.

**5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Nhằm cải thiện điều kiện đi lại của Nhân dân, từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông trong khu vực, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững cho Nhân dân địa phương trong khu vực huyện Quan Sơn.

**6. Quy mô đầu tư xây dựng:** Nâng cấp, cải tạo tuyến đường dài 8,872km (trong đó: nâng cấp, cải tạo 1,311km; giữ nguyên 7,56km); cụ thể:

+ Phần đường: Đạt quy mô đường giao thông nông thôn (GTNT) cấp B (theo TCVN 10380: 2014), có vận tốc thiết kế  $V_{tk}=20\text{km/h}$ ; bán kính đường cong nằm nhỏ nhất  $R_{\min}=20\text{m}$ ; độ dốc dọc lớn nhất  $i_{\max}=13\%$ ; cống thoát nước ngang bằng bê tông và BTCT, tần suất thiết kế  $P=4\%$ , tải trọng thiết kế H30-XB80.

+ Phần cầu: Xây dựng mới 01 cầu bằng BTCT và BTCT dự ứng lực (theo TCVN 11823- 2017), tải trọng HL93, người đi bộ  $3 \times 10^{-3}\text{Mpa}$ , tần suất thiết kế  $P=1\%$  và cao độ mực nước cao nhất của hồ thủy điện Trung Xuân (+78,50m), cầu nằm trong vùng động đất có hệ số gia tốc nền  $a=0,0806$ .

### **7. Giải pháp thiết kế chủ yếu**

7.1. Bình đồ: Tuyến cơ bản đi theo đường cũ, chỉ điều chỉnh cắt cong cục bộ một số vị trí để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cấp đường và cải thiện tầm nhìn. Tổng số có 17 đường cong; bán kính cong nhỏ nhất  $R_{\min}=25\text{m}$ .

- Phạm vi dự án: Điểm đầu Km0+00, trung tâm bản Lợi, xã Trung Hạ; điểm cuối Km8+872- giao với đường từ QL.217 đi xã Trung Xuân tại Km5+400 thuộc địa phận bản Pụn, xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn.

- Tổng chiều dài tuyến 8.872,02m; cụ thể:

+ Nâng cấp, cải tạo 1.311,72m đường, gồm: đoạn Km1+400 - Km2+139,70 (dài 739,70m) và Km8+300 - Km8+872,02 (dài 572,02m).

+ Giữ nguyên 7.560,30m đường cũ đạt quy mô đường GTNT cấp B, gồm: Km0+00 - Km1+400 (dài 1.400m) và Km2+139,70 - Km8+300 (dài 6.160,30m).

7.2. Mặt cắt dọc: Cao độ đường do được thiết kế trên cơ sở cao độ các điểm khống chế, chiều dày lớp kết cấu áo đường tăng cường trên mặt đường cũ, tần suất thủy văn tính toán  $P=4\%$ . Độ dốc dọc lớn  $i_{\max}=6,31\%$ .

7.3. Mặt cắt ngang: Độ dốc ngang mặt đường hai mái  $i_m=2\%$ , lề đất  $i_l=4\%$ ; chiều rộng nền đường  $B_n=5m$ ; mặt đường  $B_m=3,5m$  (tại những vị trí rãnh dọc hình thang được gia cố bằng bê tông, mặt đường được mở rộng đến sát mép rãnh); lề đất  $B_l=2 \times 0,75=1,5m$ .

#### 7.4. Nền đường

- Nền đào: MáI taluy đất 1/1, máI taluy đá 1/0,5 - 1/0,75 tùy theo cấp đá.

- Nền đắp: Đắp bằng đất đồi đạt độ chặt  $K \geq 0,95$ ; máI ta luy đắp 1/1,5, gia cố máI bằng trồng cỏ và bê tông xi măng.

- Nền đường cũ: Xáo xới lu lèn đạt độ chặt  $K \geq 0,95$  dày 30cm.

#### 7.5. Kết cấu áo đường

- Lớp mặt: Bằng bê tông xi măng (BTXM) M300 dày 20cm (phần trên mặt đường cũ được bù vênh bằng BTXM M300).

- Lớp móng: Bằng BTXM M150 dày 15cm đối với phần cấp mở rộng, bằng đá dăm (4x6)cm lớp dưới dày 15cm đối với đoạn làm mới.

#### 7.6. Thoát nước mặt: Bằng chảy tỏa và rãnh dọc

- Đối với nền đất rãnh tiết diện hình thang, kích thước (40+120)x40cm đối nền đất; những đoạn có địa chất dễ bị xói lở được gia cố bằng BTXM M200 với kích thước (40+90)x50cm, các vị trí qua nhà dân thiết kế tấm đan bằng BTCT M250.

- Đối với nền đá rãnh có tiết diện hình tam giác (rộng 120 cm, sâu 40cm).

7.7. Cống thoát nước ngang: Giữ nguyên cống cũ còn đảm bảo và nối dài cống cũ để chiều dài cống bằng chiều rộng nền đường, móng đặt trên nền thiên nhiên. Kết cấu cống: thân, tường cánh, móng, sân cống bằng BTXM M200; mũ mố bằng BTCT M250; tấm bản bằng BTCT M300; phủ tấm bản bằng BTXM M300 dày 6cm.

7.8. Tường chắn ta luy âm: Kết cấu tường chắn: thân, móng tường chắn bằng BTXM M200; móng tường chắn đặt trên nền thiên nhiên ổn định.

#### 7.9. Công trình cầu Trung Xuân (Km8+818)

- Cầu bắc qua sông Lò, phía hạ lưu cách cầu 2,31km có đập của nhà máy thủy điện Trung Xuân (cầu nằm trong lòng hồ nhà máy thủy điện Trung Xuân), vuông góc so với hướng dòng chảy, nằm trên đoạn đường thẳng, độ dốc dọc cầu  $i_d=0\%$ . Sông không thông thuyền, có cây trôi.

- Sơ đồ cầu gồm 03 nhịp 03x33m; chiều dài cầu đến đuôi mố  $L=104,80m$ ;

kết cấu bằng BTCT và BTCT dự ứng lực, chiều rộng  $B=(0,5+6+0,5)m=7,0m$ .

- Kết cấu phần trên:

+ Dầm giằng đơn bằng BTCT DƯỠ 40Mpa kéo sau, tiết diện dầm chữ I; chiều cao dầm 1,65m; mặt cắt ngang cầu gồm 3 dầm, khoảng cách giữa tim các dầm chủ là 2,4m; liên kết các dầm dọc bằng 5 dầm ngang BTCT 30Mpa.

+ Lớp phủ mặt cầu bằng BTCT 30Mpa dày 10cm, tưới nhựa dính bám  $0,5kg/m^2$ , chống thấm mặt cầu bằng vật liệu dạng dung dịch; bản mặt cầu liên tục nhiệt bằng BTCT 30Mpa dày 20cm; tấm ván khuôn mặt cầu bằng BTCT 25Mpa dày 8cm; khe co giãn đặt tại các vị trí mố cầu bằng thép dạng răng lược; thoát nước mặt cầu bằng ống nhựa PVC  $\Phi 150$  dày 5mm, cửa thu nước và nắp chắn rác bằng gang đúc sẵn; lan can bằng thép mạ kẽm, gờ chân lan can bằng BTCT 25Mpa; gờ cầu sử dụng gờ cao su bản thép.

- Kết cấu phần dưới:

+ Mố cầu: hai mố cầu có cấu tạo giống nhau, dạng mố nhẹ bằng BTCT 30Mpa. Móng mố cầu đặt trên hệ 02 cọc khoan nhồi  $D1,5m$  bằng BTCT 30Mpa. Bản quá độ bằng BTCT 25Mpa.

+ Trụ cầu: 02 trụ (T1, T2) cấu tạo dạng trụ dẹt, xà mũ trụ bằng BTCT 30Mpa đặt trên hệ 02 cọc khoan nhồi  $D1,5m$  bằng BTCT 30Mpa.

- Tứ nón và đường hai đầu cầu: 10m đường sau đuôi mố được vượt nối từ  $B_n=8m$ ,  $B_m=7m$  về  $B_n=7m$ ,  $B_m=6,0m$ ; kết cấu áo đường như trên tuyến; chân khay, gia cố tứ nón bằng BTXM.

7.10. Nút giao: Tuyến có 02 nút giao ngã ba (tại Km8+658 giao với đường từ xã Trung Hạ đi thị trấn Quan Hoá và Km8+872 giao với đường từ QL.217 đi xã Trung Xuân), thiết kế giao bằng, bán kính nhánh rẽ đảm bảo theo tiêu chuẩn cấp đường. Kết cấu áo đường trong phạm vi nút giao như kết cấu phần tuyến. Tổ chức giao thông bằng biển báo, sơn vạch kẻ đường, gờ giảm tốc.

7.11. Vị trí tránh xe: Mở rộng nền, mặt đường để bố trí các vị trí tránh xe đảm bảo  $B_n=8,0m$ ,  $B_m=6,5m$ , chiều dài đoạn tránh xe  $L=15m$  kể cả đoạn vượt nối; kết cấu móng, mặt đường như kết cấu phần tuyến và khoảng cách giữa các vị trí từ (200-300)m, kết hợp các vị trí đào mở rộng nền đường.

7.12. An toàn giao thông

Bố trí biển báo, vạch sơn kẻ đường, cọc tiêu, cọc H, cột km, lan can phòng hộ bằng tôn lượn sóng tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

(chi tiết như hồ sơ TKCS kèm theo).

## 8. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất

- Địa điểm xây dựng: Thuộc địa phận xã Trung Hạ và xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn.

- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 0,86ha (trong đó phạm vi đường cũ đang khai thác khoảng 0,62ha, không có chiếm dụng đất trồng lúa và đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng).

**9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:** Nhóm C, công trình giao thông, cấp III.

**10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn**

- Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

- Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng: Chấp thuận danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho dự án theo báo cáo thẩm định số 1706/SGTVT-TĐKHKT ngày 31/3/2023 của Sở Giao thông vận tải.

**11. Tổng mức đầu tư phê duyệt: 32.874.000.000 đồng** (Ba mươi hai tỷ, tám trăm bảy mươi tư triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	275.000.000	đồng;
- Chi phí xây dựng:	26.131.030.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	601.418.000	đồng;
- Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng:	2.008.174.000	đồng;
- Chi phí khác:	635.086.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	3.223.292.000	đồng.

(chi tiết có phụ lục Tổng mức đầu tư kèm theo)

**12. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư**

- Vốn Ngân sách Trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh (theo Nghị quyết số 301/NQ-HĐND ngày 13/7/2022) đã bố trí 29,885 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện Quan Sơn và các nguồn huy động hợp pháp khác đảm nhận 2,989 tỷ đồng (10% vốn ngân sách trung ương).

**13. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2022 - 2024.

**14. Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư**

- Phạm vi giải phóng mặt bằng theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi tại Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ).

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND huyện Quan Sơn làm Chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng để tổ chức thực hiện theo quy định.

**15. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

- Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại Báo

cáo thẩm định số 1706/SGTVT-TĐKHKT ngày 31/3/2023 và ý kiến các ngành liên quan.

- UBND huyện Quan Sơn tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn; Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đề b/c);
- Lưu: VT, VX<sub>30a14</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đầu Thanh Tùng**

**PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH****Dự án: Nâng cấp đường giao thông liên xã Trung Hạ - Trung Xuân,  
huyện Quan Sơn (Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững)***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)**Đơn vị tính: đồng*

TT	Hạng mục chi phí	Phương pháp xác định	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Chi phí bồi thường GPMB</b>	Khái toán chi tiết	<b>275.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	Dự toán chi tiết	<b>26.131.030.000</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	2,532% x 23.755.481.818	<b>601.418.000</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>Cộng 1 - 17</b>	<b>2.008.174.000</b>
1	Khảo sát, lập Báo cáo NCKT	Quyết định của Ban QLDA	496.344.000
2	Lập nhiệm vụ khảo sát bước Báo cáo NCKT		9.834.000
3	Giám sát khảo sát bước Báo cáo NCKT		13.348.000
4	Khảo sát địa hình bước BVTC	Dự toán chi tiết	211.289.353
5	Lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC	3% x 192.081.230	5.762.437
6	Giám sát khảo sát xây dựng bước BVTC	4,072% x1,1x 192.081.230	8.603.703
7	Thiết kế bản vẽ thi công	1,345% x1,1x 23.755.481.818	351.452.804
8	Thẩm tra thiết kế BVTC	0,143% x1,1x 23.755.481.818	37.300.421
9	Thẩm tra dự toán xây dựng công trình	0,137% x1,1x 23.755.481.818	35.928.448
10	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,226% x1,1x 23.755.481.818	59.338.791
11	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các gói thầu tư vấn	0,200% x 1.257.027.199	2.514.054
12	Giám sát thi công xây dựng	2,657% x1,1x 23.755.481.818	694.285.042
13	Thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu xây dựng	0,10% x 26.271.387.812	26.271.388
14	Thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu tư vấn	0,10% x 1.257.027.199	2.000.000
15	Lập và thẩm định giấy phép môi trường	Khái toán theo dự án đã duyệt	50.000.000
16	Khảo sát, lập phương án, báo cáo kết quả rà phá bom mìn, vật nổ	2% x 68.181.818	1.500.000
17	Giám sát công tác rà phá bom mìn, vật nổ	3,203% x 68.181.818	2.402.000
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>Cộng 1 - 8</b>	<b>635.086.000</b>
1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,29% x1,1x 23.755.481.818	75.779.987
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,338% x 29.650.708.000	100.343.004

<b>TT</b>	<b>Hạng mục chi phí</b>	<b>Phương pháp xác định</b>			<b>Thành tiền</b>
3	Chi phí thẩm định Báo cáo NCKT	0,016%	x	32.874.000.000	5.400.000
4	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật	0,030%	x	23.755.481.818	7.108.415
5	Phí thẩm định dự toán xây dựng	0,029%	x	23.755.481.818	6.876.788
6	Rà phá bom mìn (phạm vi thi công cầu)	Khái toán theo công trình tương tự			75.000.000
7	Chi phí đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công	Dự toán chi tiết			64.577.825
8	Chi phí khác				
-	Chi phí xây dựng trạm biến áp	Dự toán chi tiết			100.000.000
-	Chi phí xây dựng nền móng trạm trộn BTXM				150.000.000
-	Chi phí trồng rừng thay thế	Khái toán theo công trình tương tự			50.000.000
<b>VI</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>Cộng 1 - 2</b>			<b>3.223.292.000</b>
1	Dự phòng khối lượng phát sinh	7,87%	x	29.650.708.000	2.332.946.933
2	Dự phòng trượt giá	3,00%	x	29.650.708.000	890.345.067
	<b>Tổng mức đầu tư</b>	<b>(I+II+III+IV+V+VI)</b>			<b>32.874.000.000</b>